

VÙNG ĐÔNG BẮNG SÔNG HỒNG

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ.

- Gồm đồng bằng châu thổ, dải đất rìa trung du và vùng Vịnh Bắc Bộ.
- Có vị trí địa lí thuận lợi trong giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng kinh tế trong nước.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

- Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, đất phù sa màu mỡ, sông ngòi dày đặc thuận lợi phát triển nông nghiệp.
- Khoáng sản có giá trị: Đá vôi, than nâu, khí tự nhiên.
- Vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng.

III. Đặc điểm dân cư – xã hội.

- Dân số đông, mật độ dân số cao nhất cả nước.
- Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- Trình độ phát triển dân cư - xã hội khá cao.

- Khó khăn:

- + Nhiều thiên tai, thời tiết thất thường.
- + Dân số đông gây ra các vấn đề kinh tế - xã hội, tài nguyên – môi trường.

Bài 21: Vùng đồng bằng sông Hồng (tiếp theo)

IV. Kinh tế

1. Nông nghiệp

- Tỉ trọng giảm nhanh
- Là vùng sản xuất rau vụ đông, nuôi lợn lớn nhất nước.
- Vùng sản xuất lương thực, thực phẩm lớn thứ 2 cả nước.

2. Công nghiệp

- Tỉ trọng tăng
- Các sản phẩm chính: dệt may, điện tử, cơ khí, luyện kim, điện tử...
- Các trung tâm: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh

3. Dịch vụ

- Tỷ trọng tăng cao
- Các ngành chính: du lịch, thương mại, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải...
- Các trung tâm: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh

V. Các trung tâm kinh tế và Vùng KTTĐ Bắc Bộ

- Hai TTKT lớn nhất vùng: Hà Nội, Hải Phòng
- Tam giác kinh tế: Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long
- Ý nghĩa của việc phát triển vùng KTTĐ BB: chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động.